

Name:
 Date: ... / ... /20...
 Class: S4
 Tel: 034.200.9294



Vocabulary:
 Listening:
 Mini Test:

WEEK 4: THE NATURE AROUND US

VOCABULARY & KET SPEAKING

❖ **Lưu ý:** Với các từ vựng mở rộng thầy cô có cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu để có chủ thích nghĩa: con về nhà chép mỗi từ **1 dòng** để ghi nhớ nhé

A. VOCABULARY

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	forest (n)	rừng	7	delta (n)	vùng đồng bằng
2	rainforest (n)	rừng mưa	8	meadow (n)	đồng cỏ
3	volcano (n)	núi lửa	9	coast (n)	bờ biển
4	valley (n)	thung lũng	10	landscape (n)	phong cảnh
5	desert (n)	sa mạc	11	wildlife (n)	thế giới hoang dã
6	cave (n)	hang động	12	flora (n)	hệ thực vật

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	Egyptian (adj)	thuộc về Ai Cập	3	below (prep)	ở phía dưới
2	journey (n)	chuyến hành trình	4	magnificent (adj)	lộng lẫy

Note: n = noun: danh từ, adj = adjective: tính từ, prep = preposition: giới từ

*Con học thuộc nghĩa của từ và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

B. HOMEWORK

Exercise 1: Circle the correct answer

0. Did you read the latest _____? The President is having a trip to Japan.

A. cartoon

B. show

☒ C. news

1. This countryside has magnificent _____. I want to come back in the future.

A. flora

B. wildlife

C. landscape

2. There is a mysterious _____ in the forest, which nobody has ever explored.

A. delta

B. cave

C. forest

3. Leaders in our country should take actions to protect the _____ from over-hunting (săn bắn bừa bãi).

A. wildlife

B. desert

C. flora

4. A few animals can survive in the _____ because of the hot temperature and lack of water.

A. volcano

B. meadow

C. desert

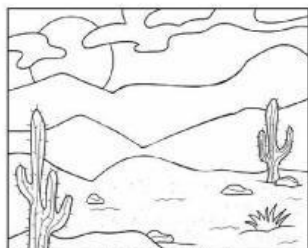
5. _____ are usually in places which receive a lot of rain.

A. Valleys

B. Rainforests

C. Coast

Exercise 2: Unscramble the letters and match words with pictures



Ivanoco

-> _____

vace

-> _____

demowa

-> _____

sedetr

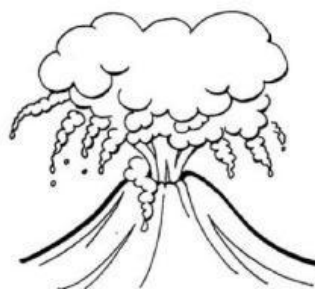
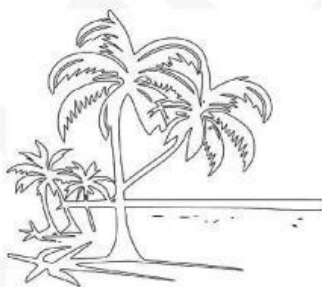
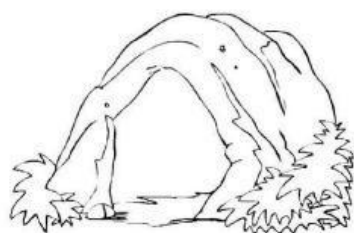
-> desert

forastein

-> _____

sacot

-> _____



Exercise 3: Rearrange the words to make meaningful sentences

0. in the delta / People often / grow rice. / to / live

⇒ People often live in the delta to grow rice.

1. There are / on / some children / the meadow. / flying kites

⇒ _____

2. This forest / impressive flora. / has

⇒ _____

3. the coast. / a big house / Laura / lives in / near

⇒ _____

4. have to move / the volcano / We / because / will erupt soon.

⇒ _____

Lưu ý trước khi làm đề Cambridge:

1. Sau khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.
2. Các con gạch chân các từ khóa chính trong bài đọc

Con làm bài nghe theo link sau (5:35 – 8:45):

<https://www.youtube.com/watch?v=OnsUq7NBPDE&t=290s>

Part 2

Questions 6 - 10

For each question, write the correct answer in the gap. Write **one word** or **a number** or **a date** or **a time**.

You will hear a teacher telling her students about a museum they are going to visit.

EGYPTIAN MUSEUM

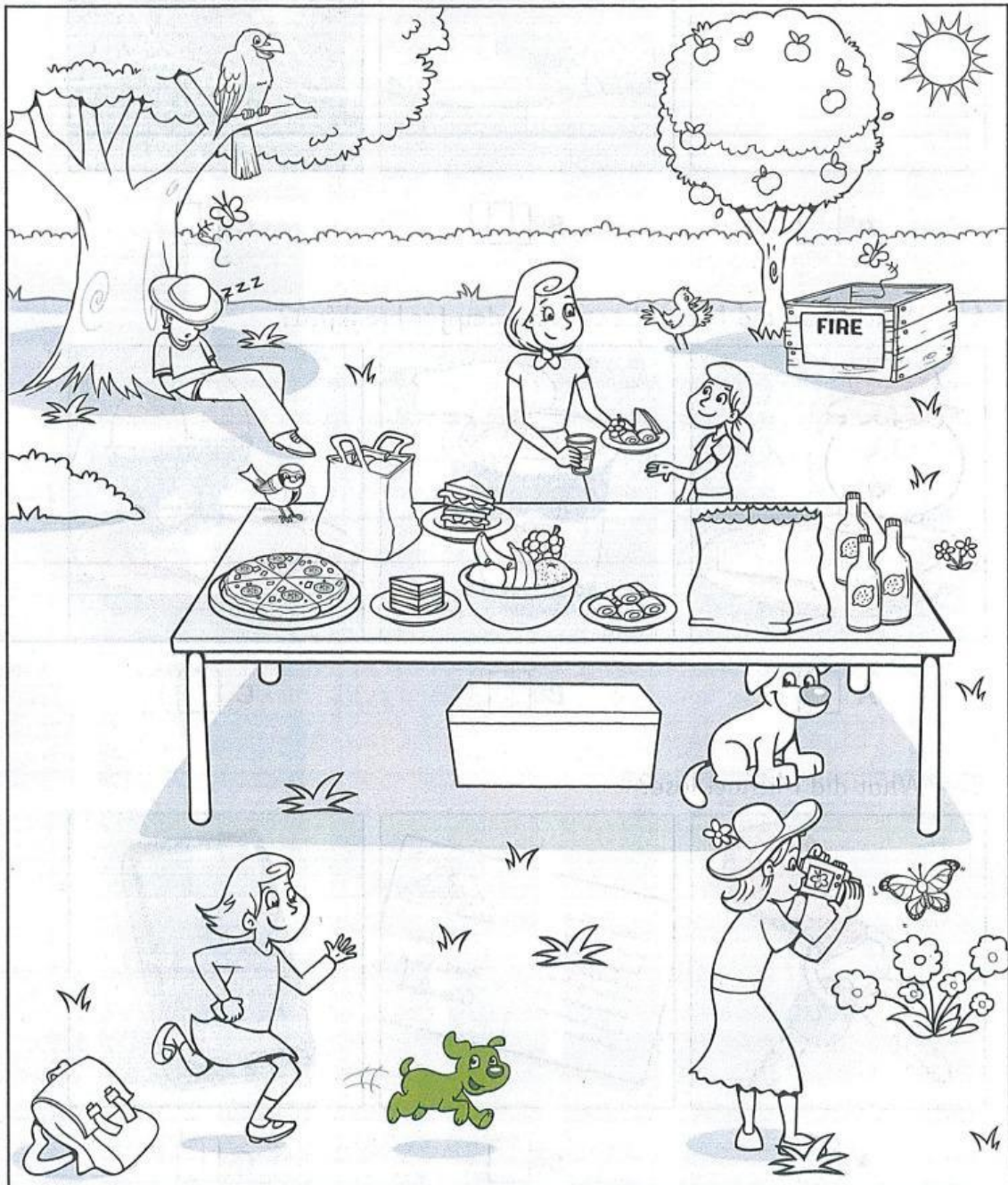
When:	Friday
Cost of the ticket (students):	(6) £ _____
Give money to:	(7) _____ teacher
Time to leave school:	(8) _____
Travel by:	(9) _____
Bring:	(10) _____

Con làm bài nghe theo link sau: <https://www.youtube.com/watch?v=OnsUq7NBPDE>

Part 5

– 5 questions –

Listen and colour and write. There is one example.



Mọi ý kiến đóng góp của phụ huynh sẽ là động lực để Starlink nâng cao chất lượng đào tạo. Mời bố mẹ quét mã ở đây để thực hiện khảo sát

